TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Sơn Điền và bà Cù Thị Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Trần Huy Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Ch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 142/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Mỹ Ch, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 4, ấp H, xã P, thị xã D, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn Ph, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 4, ấp H, xã P, thị xã D, tỉnh An Giang.

Chị Ch có mặt; anh Ph vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ Ch trình bày: Năm 2004, chị Ch và anh Ph tự tìm hiểu, quen nhau, thống nhất tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/2005, quyển số I ngày 15/3/2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Phú Vĩnh. Qúa trình chung sống, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do anh Ph thường uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi chị Ch, có lần anh Ph dùng dao kề cổ chị, đến nay anh Ph không thay đổi. Đến tháng 3/2024

thì chị Ch và anh Ph không còn chung sống với nhau. Nhận thấy tình cảm không còn hạnh phúc, chị Ch yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn Ph.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Ch và anh Ph có 02 (hai) con chung tên Hồ Cao Mỹ N, sinh ngày 17/02/2005 và Hồ Nhật H, sinh ngày 04/3/2007. Con chung Hồ Cao Mỹ N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu Hồ Nhật H có nguyện vọng sống với tôi thì tôi đồng ý nuôi cháu H, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 292/TB-TLVA ngày 23/4/2024 và các văn bản tố tụng khác cho anh Hồ Văn Ph nhưng anh Ph vắng mặt ở địa phương, Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng trên theo quy định pháp luật. Đồng thời, anh Ph không có văn bản ý kiến phản hồi cho Tòa án.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thu thập chứng cứ: Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của ông Ph; xác minh tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung của chị Ch và anh Ph tại văn phòng ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Ch và ghi nhận ý kiến nguyện vọng của con chưa thành niên.

- Kết quả thông báo trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: Anh Hồ Văn Ph, sinh năm 1983, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 4, ấp H, xã P, thị xã D, tỉnh An Giang.

- Văn phòng ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Ch cung cấp: về hôn nhân, chị Ch và anh Ph tự tìm hiểu, thống nhất tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Ch. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Ph vài lần nhậu về kiếm chuyện và chửi chị Ch. Chị Ch đã khuyên ngăn nhiền lần nhưng anh Ph không thay đổi. Đồng thời, gia đình đã hòa giải nhưng không được, vợ chồng chị Ch và anh Ph đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2024 cho đến nay và không còn qua lại với nhau nữa.

Về con chung, chị Ch và anh Ph có 02 (hai) con chung tên Hồ Cao Mỹ N, sinh ngày 17/02/2005 (đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Hồ Nhật H, sinh ngày 04/3/2007. Hiện cháu H đang sống và được chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung của chị Ch va anh Ph thì không nắm.

- Ý kiến của cháu Hồ Nhật H: Cháu H là con ruột của ông Hồ Văn Ph và bà Cao Thị Mỹ Ch, hiện cháu H đang sống với mẹ và làm tại tỉnh Long An, nếu cha mẹ được Tòa án giải quyết ly hôn thì cháu H có nguyện vọng sống với mẹ Cao Thị Mỹ Ch.

Tại phiên tòa, chị Ch giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Ph và yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Hồ Nhật H, sinh ngày 04/3/2007, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi họp và làm việc của Tòa án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị Mỹ Ch với anh Hồ Văn Ph.

- *Về con chung:* Chị Cao Thị Mỹ Ch được nuôi dưỡng con chung tên Hồ Nhật H, sinh ngày 04/3/2007. Anh Hồ Văn Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Cao Thị Mỹ Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn Ph. Anh Ph có nơi cư trú tại ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Hồ Văn Ph được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Ch và anh Ph do tư tìm hiểu, có tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tai Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 14/2005, quyển số I ngày 15/3/2005 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị Ch và anh Ph là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Ch khai, quá trình chung sống, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do anh Ph thường uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi chị Ch, đến nay anh Ph không thay đổi. Đến tháng 3/2024 thì chị Ch và anh Ph không còn chung sống với nhau. Nhận thấy tình cảm không còn hạnh phúc, chị Ch yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn Ph.

Theo kết quả xác minh tại Ban ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, chị Ch và anh Ph tự tìm hiểu, thống nhất tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Ch. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Ph vài lần nhậu về kiếm chuyện và chửi chị Ch. Chị Ch đã khuyên ngăn nhiền lần nhưng anh Ph không thay đổi. Đồng thời, gia đình đã hòa giải nhưng không được, vợ chồng chị Ch và anh Ph đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2024 cho đến nay và không còn qua lại với nhau nữa.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị Ch và anh Ph hàn gắn tình cảm nhưng anh Ph vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị Ch và anh Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị Ch ly hôn với anh Ph là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: chị Ch khai, trong thời kỳ hôn nhân, giữa chị Ch và anh Ph có 02 (hai) chung tên Hồ Cao Mỹ N, sinh ngày 17/02/2005 (đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Hồ Nhật H, sinh ngày 04/3/2007. Cháu Hồ Nhật H đang sống với chị Ch, chị Ch yêu cầu nuôi cháu H, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo kết quả xác minh tại Ban ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh: chị Ch và anh Ph có 02 (hai) con chung tên Hồ Cao Mỹ N, sinh ngày 17/02/2005 (đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Hồ Nhật H, sinh ngày 04/3/2007. Hiện cháu H đang sống và được chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ý kiến nguyện vọng của cháu Hồ Nhật H: Hiện cháu H đang sống với mẹ (Cao Thị Mỹ Ch) và được chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu H cũng đang làm tại Công ty tỉnh Long An, nếu cha mẹ được Tòa án giải quyết ly hôn thì cháu H có nguyện vọng sống với chị Cao Thị Mỹ Ch.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con, cuộc sống, điều kiện của cháu H cũng ổn định. Xét, giao con chung tên Hồ Nhật H, sinh ngày 04/3/2007 cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Ch cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Ch khai, không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: chị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Anh Ph không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Mỹ Ch.

Chị Cao Thị Mỹ Ch được ly hôn với anh Hồ Văn Ph.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2005, quyển số I được Uỷ ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang cáp ngày 15/3/2005 cho chị Cao Thị Mỹ Ch và anh Hồ Văn Ph không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Chị Cao Thị Mỹ Ch được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Hồ Nhật H, sinh ngày 04/3/2007 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Hồ Văn Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Cao Thị Mỹ Ch cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Hồ Văn Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] *Về án phí sơ thẩm:*

Chị Cao Thị Mỹ Ch phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007960 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang.

Anh Hồ Văn Ph không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Ch có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Ph là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND TX. Tân Ch (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Ch (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.